

Kon Tum, ngày 12 tháng 02 năm 2020

BẢN NIÊM YẾT THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Trục thuộc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: 211 Trần Hưng Đạo, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

II. TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

III. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÁC LÔ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ:

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 106 lô (thửa) đất ở; Tổng diện tích là: 17.979,8 m², với tổng giá khởi điểm là: 22.879.957.200 đồng, địa chỉ: Dọc hai bên tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài, thôn Đăk Xanh-Đăk Ra, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, cụ thể bao gồm như sau:

TT	Lô (thửa) đất số	Diện tích (m²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)
1	Lô 8	187,20	235.497.600	24.000.000	200.000
2	Lô 9	187,40	235.749.200	24.000.000	200.000
3	Lô 10	188,50	237.133.000	24.000.000	200.000
4	Lô 11	189,70	238.642.600	24.000.000	200.000
5	Lô 15	296,40	217.557.600	22.000.000	200.000
6	Lô 16	269,80	198.033.200	20.000.000	100.000
7	Lô 17	199,10	202.285.600	21.000.000	200.000
8	Lô 18	230,50	234.188.000	24.000.000	200.000
9	Lô 19	253,40	257.454.400	26.000.000	200.000
10	Lô 20	186,90	247.829.400	25.000.000	200.000
11	Lô 21	152,50	202.215.000	21.000.000	200.000
12	Lô 22	154,80	205.264.800	21.000.000	200.000
13	Lô 23	155,30	205.927.800	21.000.000	200.000
14	Lô 24	156,00	206.856.000	21.000.000	200.000

15	Lô 25	156,70	207.784.200	21.000.000	200.000
16	Lô 26	156,90	208.049.400	21.000.000	200.000
17	Lô 27	157,10	208.314.600	21.000.000	200.000
18	Lô 28	157,30	208.579.800	21.000.000	200.000
19	Lô 29	157,50	208.845.000	21.000.000	200.000
20	Lô 30	157,70	209.110.200	21.000.000	200.000
21	Lô 31	157,80	209.242.800	21.000.000	200.000
22	Lô 32	157,80	209.242.800	21.000.000	200.000
23	Lô 33	157,70	209.110.200	21.000.000	200.000
24	Lô 34	157,60	208.977.600	21.000.000	200.000
25	Lô 35	157,60	208.977.600	21.000.000	200.000
26	Lô 36	157,50	208.845.000	21.000.000	200.000
27	Lô 37	156,90	187.966.200	19.000.000	100.000
28	Lô 38	157,70	188.924.600	19.000.000	100.000
29	Lô 39	158,10	189.403.800	19.000.000	100.000
30	Lô 40	158,40	189.763.200	19.000.000	100.000
31	Lô 41	158,10	189.403.800	19.000.000	100.000
32	Lô 42	149,80	179.460.400	18.000.000	100.000
33	Lô 43 A	182,10	133.661.400	14.000.000	100.000
34	Lô 44	190,50	168.783.000	17.000.000	100.000
35	Lô 45	189,00	167.454.000	17.000.000	100.000
36	Lô 46	188,40	166.922.400	17.000.000	100.000
37	Lô 47	188,50	247.689.000	25.000.000	200.000
38	Lô 48	188,20	247.294.800	25.000.000	200.000
39	Lô 49	187,50	246.375.000	25.000.000	200.000
40	Lô 50	186,90	245.586.600	25.000.000	200.000
41	Lô 51	187,00	245.718.000	25.000.000	200.000

42	Lô 52	187,00	245.718.000	25.000.000	200.000
43	Lô 53	186,80	245.455.200	25.000.000	200.000
44	Lô 54	223,70	293.941.800	30.000.000	200.000
45	Lô 55	159,90	250.083.600	26.000.000	200.000
46	Lô 56	157,30	246.017.200	25.000.000	200.000
47	Lô 57	158,10	247.268.400	25.000.000	200.000
48	Lô 58	158,10	247.268.400	25.000.000	200.000
49	Lô 59	157,30	246.017.200	25.000.000	200.000
50	Lô 60	156,20	244.296.800	25.000.000	200.000
51	Lô 61	224,10	350.492.400	36.000.000	200.000
52	Lô 62	132,30	204.006.600	21.000.000	200.000
53	Lô 63	131,80	203.235.600	21.000.000	200.000
54	Lô 64	155,00	239.010.000	24.000.000	200.000
55	Lô 65	154,30	237.930.600	24.000.000	200.000
56	Lô 66	153,60	236.851.200	24.000.000	200.000
57	Lô 67	152,90	235.771.800	24.000.000	200.000
58	Lô 68	152,10	234.538.200	24.000.000	200.000
59	Lô 69	151,50	233.613.000	24.000.000	200.000
60	Lô 70	151,20	233.150.400	24.000.000	200.000
61	Lô 71	151,00	232.842.000	24.000.000	200.000
62	Lô 72	151,40	233.458.800	24.000.000	200.000
63	Lô 73	153,10	236.080.200	24.000.000	200.000
64	Lô 74	155,10	239.164.200	24.000.000	200.000
65	Lô 75	156,60	241.477.200	25.000.000	200.000
66	Lô 76	157,20	242.402.400	25.000.000	200.000
67	Lô 77	157,00	242.094.000	25.000.000	200.000
68	Lô 78	228,20	285.250.000	29.000.000	200.000
69	Lô 79	156,50	241.323.000	25.000.000	200.000
70	Lô 80	156,60	241.477.200	25.000.000	200.000
71	Lô 81	156,80	241.785.600	25.000.000	200.000
72	Lô 82	156,90	241.939.800	25.000.000	200.000
73	Lô 83	157,00	242.094.000	25.000.000	200.000

74	Lô 84	157,10	242.248.200	25.000.000	200.000
75	Lô 85	157,20	242.402.400	25.000.000	200.000
76	Lô 86	157,10	242.248.200	25.000.000	200.000
77	Lô 87	157,00	242.094.000	25.000.000	200.000
78	Lô 88	156,70	241.631.400	25.000.000	200.000
79	Lô 89	156,50	241.323.000	25.000.000	200.000
80	Lô 90	239,20	189.446.400	19.000.000	100.000
81	Lô 91	233,50	184.932.000	19.000.000	100.000
82	Lô 92	218,30	172.893.600	18.000.000	100.000
83	Lô 93	132,50	187.620.000	19.000.000	100.000
84	Lô 94	154,70	219.055.200	22.000.00	200.000
85	Lô 95	176,90	250.490.400	26.000.000	200.000
86	Lô 96	97,50	132.600.000	14.000.000	100.000
87	Lô 97	103,50	140.760.000	15.000.000	100.000
88	Lô 98	109,40	148.784.000	15.000.000	100.000
89	Lô 99	115,20	156.672.000	16.000.000	100.000
90	Lô 100	121,00	164.560.000	17.000.000	100.000
91	Lô 101	126,90	172.584.000	18.000.000	100.000
92	Lô 102	133,00	180.880.000	19.000.000	100.000
93	Lô 103	139,70	189.992.000	19.000.000	100.000
94	Lô 104	192,30	181.146.600	19.000.000	100.000
95	Lô 105	200,80	189.153.600	19.000.000	100.000
96	Lô 106	214,00	201.588.000	21.000.000	200.000
97	Lô 107	228,30	215.058.600	22.000.000	200.000
98	Lô 108	256,80	241.905.600	25.000.000	200.000
99	Lô 109	222,20	209.312.400	21.000.000	200.000
100	Lô 110	200,30	188.682.600	19.000.000	100.000
101	Lô 111	152,00	206.720.000	21.000.000	100.000
102	Lô 112	144,50	196.520.000	20.000.000	100.000
103	Lô 113	141,60	192.576.000	20.000.000	100.000
104	Lô 114	141,40	192.304.000	20.000.000	100.000
105	Lô 115	144,30	135.930.600	14.000.000	100.000
106	Lô 116	178,00	125.668.000	13.000.000	100.000

- Giá trúng đấu giá chưa bao gồm lệ phí trước bạ và phí địa chính. Khách hàng trúng đấu giá phải nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định.
- Mỗi lô (*thửa*) đất tổ chức một cuộc đấu giá.
- Mục đích sử dụng đất sau khi trúng đấu giá: Đất ở đô thị.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Điều kiện xây dựng nhà ở, mật độ xây dựng, khoảng lùi xây dựng: Theo quy định của Luật xây dựng và Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của UBND huyện Đăk Glei về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (1/500) phía Tây sông Pô Kô, thị trấn Đăk Glei.

2. Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 03 năm 2020.

3. Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Tại Hội trường Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

4. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tham khảo hồ sơ tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến 10 giờ ngày 09/3/2020 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản – Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

5. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến 10 giờ ngày 09/3/2020 tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Kon Tum và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

6. Thời gian xem tài sản đấu giá: Từ ngày thông báo đến ngày 09/3/2020.

7. Địa điểm xem tài sản: 106 thửa đất Dọc hai bên tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài, thôn Đăk Xanh-Đăk Ra, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

8. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá và không quá 5 vòng bỏ phiếu. Nếu tại vòng đấu giá thứ 5 có từ hai người trở lên trả giá (hợp lệ) cao nhất và bằng nhau, thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm.

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

9. Bước giá: Tối thiểu là 20.000.000 đồng/01 lần trả giá, người đăng ký tham gia đấu giá phải trả giá tối thiểu bằng giá khởi điểm + (cộng) với ít nhất 1 bước giá.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc vào trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016; Thông qua việc nộp hồ sơ đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước theo quy định. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham gia đấu giá.

** Tiền mua hồ sơ nộp bằng tiền mặt. Tiền đặt trước nộp bằng chuyển khoản, vào tài khoản số **5100201009520** của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Kon Tum. Khách hàng nộp tiền đặt trước trong ngày 05, 06/03/2020 và đến 10 giờ ngày 09/3/2020.*

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ tại: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (số 211 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei (thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum) số điện thoại: 0260.3911.069./.

Nơi nhận:

- TTDVĐG tài sản (Đề niêm yết);
- UBND huyện Đăk Glei (Đề niêm yết);
- BQLĐT xây dựng huyện Đăk Glei (Đề niêm yết);
- thị trấn Đăk Glei (Đề niêm yết);
- Công TTĐT Cục QLCS - Bộ TC (Đề đăng tải);
- Công thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (Đề đăng tải);
- Công thông tin điện tử Sở Tư Pháp (Đề đăng tải);
- Khách hàng đăng ký mua tài sản (kèm hồ sơ);
- Lưu: VT, HS/ĐGTS(Hương).

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Thủy